

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13-GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18/9/2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thảo;
- Bà Văn Thị Thu Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại C N, phường A, tỉnh Gia Lai (trụ sở Ủy ban nhân dân phường A cũ), Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mộng M, sinh năm 1984; số định danh cá nhân: 064184003663; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1977; số định danh cá nhân: 064077003876; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Mộng M trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 07/8/2002. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu khoảng từ 6 đến 7 năm, sau đó anh L tính tình thay đổi, thường xuyên đánh đập tôi nhiều lần. Tôi vì con nên cố gắng chịu đựng, nhẫn nhịn, nhưng càng về sau anh L chỉ cần mâu thuẫn nhỏ cũng sẵn sàng đánh tôi. Cuộc sống hôn nhân của tôi luôn bị căng thẳng, áp lực, gây cho tôi tổn thương về thể chất, tinh thần, sức khỏe và làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các con. Do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L;

Về con chung: Chúng tôi có 3 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/9/2003; cháu Nguyễn Trà M1, sinh ngày 12/4/2009 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/10/2017. Cháu T đã trên 18 tuổi và tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu M1 hiện đi làm ở pleiku, có thu nhập ổn định, thỉnh thoảng cháu về nhà. Cháu Đ đang học lớp 3 Trường Tiểu học T1 ở gần nhà của chúng tôi. Vì sợ anh L đánh nên tôi về sống cùng với cha mẹ đẻ của tôi, cháu Đ sống cùng với anh L. Cháu Đ nếu sống cùng với ba sẽ tốt hơn vì có nơi ở ổn định, trường học gần nhà, có ông bà nội các chú, bác đưa đón đi học. Anh L tuy hay đánh tôi nhưng rất thương con, nên tôi đồng ý giao cho anh L trực tiếp nuôi cả hai con là cháu M1 và cháu Đ. Tuy nhiên phải bảo đảm cho tôi được quyền thăm con, không gây áp lực tinh thần cho con mỗi khi gặp mẹ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa của bị đơn anh Nguyễn Văn L thể hiện: Tôi và chị Hà Thị Mộng M tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau, do nóng tính nên tôi cũng có đánh cô M. Tuy nhiên hiện nay tôi cũng đã lớn tuổi, các con cũng đều đã lớn, có cháu đã có gia đình; cháu Đ còn quá nhỏ cần có sự chăm sóc của cha mẹ, tôi hứa sẽ kiềm chế tính nóng và không đánh cô M nữa, tôi mong muốn các con có cuộc sống gia đình hạnh phúc với đầy đủ mẹ cha, nên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của cô M.

Về con chung: Chúng tôi 3 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/9/2003; cháu Nguyễn Trà M1, sinh ngày 12/4/2009 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/10/2017. Cháu T đã trên 18 tuổi và tự lập được, nếu Tòa án vẫn quyết định cho ly hôn thì tôi đồng ý trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu M1 và cháu Đ. Tôi không yêu cầu cô M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Hà Thị Mộng M yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn L; nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Mộng M và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh L phát sinh mâu thuẫn nên chị M yêu cầu ly hôn với anh L. Anh L mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cả hai bên đều đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Anh L nhiều lần đánh chị M gây áp lực về tinh thần, thể chất và sức khỏe của chị M. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh

L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Mộng M với anh Nguyễn Văn L.

[3] Về việc nuôi con: Chị M và anh L có 3 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 10/9/2003; cháu Nguyễn Trà M1, sinh ngày 12/4/2009 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/10/2017. Cháu T đã trên 18 tuổi và tự lập được, các bên không yêu cầu, nên không xem xét. Chị M yêu cầu giao cho anh L được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu M1 và cháu Đ. Xét nguyện vọng của các cháu được sống cùng với ba, anh L đang trong độ tuổi lao động, có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định và cũng đồng ý trực tiếp nuôi con nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Hà Thị Mộng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Hà Thị Mộng M ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về việc nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi con là cháu Nguyễn Trà M1, sinh ngày 12/4/2009 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 19/10/2017, khi cháu M1, cháu Đ chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị Mộng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002120 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/9/2025.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã An Khê;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- UBND phường An Khê, Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch, số 59, quyền 01/2002 (An Tân));
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo